

01/07/2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA SEN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI HỌC KỲ
HỌC KỲ 24.2A

Phòng thi: 032 - Thành Thái

Môn học: Tiếng Anh hội nhập quốc tế 5 (Thi thay EIC6)

Lớp MH: GE102DV01

Ngày thi: 12/07/2025

Giờ thi: 10h00

Sinh viên không dự thi, ghi chữ "**vắng**" rõ ràng vào ô sinh viên ký tên bên dưới.

STT	MSSV	Họ và Tên	Lớp ngành	Số tờ/Số file - dung lượng file	Sinh viên Ký tên	Điểm	Quyết định	Số hiệu lớp
1	22007643	Lê Nguyễn Ái My	EM20111				QĐ hoãn thi 1085/QĐ-ĐHHS, ký ngày 30/5/2022	1599/2133
2	22000920	Đoàn Thúy Lan	EM20111				QĐ hoãn thi 516/QĐ-ĐHHS, ký ngày 25/3/2022	1599/2133
3	2196148	Lê Ngọc Huỳnh Giang	TV19111				QĐ hoãn thi 623/QĐ-ĐHHS, ký ngày 08/4/2022	1576/2133

Tổng số SV trong DS:

Tổng số SV dự thi:

Ngày tháng.....năm 20...

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

.....
Giảng viên phụ trách
(ký và ghi rõ họ tên)

.....
Giám đốc chương trình
(ký và ghi rõ họ tên)

.....

.....

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI LẠI

Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Môn thi: **GE102DV01 - Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5**

Phòng thi: Phòng 032 - CS Thành Thái

SV không dự thi, ghi chữ VẮNG rõ ràng

Ngày thi: 2025-07-12

Giờ thi: 10:00

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày sinh	Tên Lớp	Số tờ/ Số file – dung lượng file	Chữ ký	Điểm	Số hiệu lớp - học kỳ	Ghi chú
1	2172173	Phạm Anh Vũ	26/10/1999	KS1711				1190 - 2432	1001

Số SV trong danh sách: 1

Số SV dự thi: _____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi

Giám thị 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày _____ tháng _____ năm _____

Giám thị 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc chương trình

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)

Đinh Thị Hồng Ân

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1550
Giảng viên: Đinh Thị Hồng Ân
Ngày thi: 12/07/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 032 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22122571	LÊ NGUYỄN BẢO	KIM	31/03/02	QL21111			
2	22118142	LÊ HOÀNG	LAN	25/09/03	BL21111			
3	2191234	TRẦN THỊ XUÂN	MAI	10/11/01	NT19112			
4	2193339	PHAN HOÀI	NAM	15/08/01	MK19111			
5	22207598	LÊ NGUYỄN KIM	NGÂN	08/02/03	NT22111			
6	22200082	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	NGÂN	16/06/02	NT22111			
7	22100366	TRẦN VŨ HẠNH	NGUYỄN	13/11/03	KS21111			Cấm thi
8	22205468	CHUNG QUẾ	PHỤNG	20/12/04	NT22111			
9	22205906	NGUYỄN MAI	PHƯƠNG	22/05/04	MK22111			
10	22011673	NGUYỄN THỊ HOÀI	PHƯƠNG	16/07/02	FB20121			
11	22205796	NGUYỄN ĐẶNG KHÁNH	QUỲNH	05/12/04	NT22111			
12	22205543	NGUYỄN HỒNG	SƠN	24/06/04	NH22111			Cấm thi
13	22207366	NGUYỄN CHÍ	TÂM	17/08/04	NT22111			
14	22205376	ĐỖ MINH	THƯ	10/09/03	PR22111			Cấm thi
15	22104354	HUỲNH THÁI BẢO	TRẦN	08/01/03	NL21111			
16	22300123	NGUYỄN MINH	TRUNG	11/12/00	LG23111			
17	2191907	NGÔ HOÀNG ANH	TUẤN	25/09/00	LG19112			
18	22202552	SĨ KIM	TUYỀN	11/04/04	NT22111			
19	2194319	NGUYỄN CÔNG	TÚ	27/03/01	TC19112			
20	22205931	NGUYỄN THỊ	VÂN	16/12/03	DM22111			
21	22000778	NGUYỄN DUY ANH	VŨ	07/08/02	TV20111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1550
Giảng viên: Đinh Thị Hồng Ân
Ngày thi: 12/07/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 033 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22302473	MA TRẦN PHÚC	AN	05/12/05	DK23111			Cấm thi
2	22014648	ĐINH HOÀNG LAN	ANH	08/01/02	TV20111			
3	22206002	VÕ LÊ HOÀNG	ÂN	02/05/03	NH22111			
4	22100133	TRẦN MINH	CẢNH	14/07/02	TT21111			
5	22302421	NGUYỄN PHÚC MINH	CHÂU	28/10/03	AI23111			
6	22205656	NGUYỄN NGỌC VÂN	CHI	07/08/04	NT22111			
7	22105886	TRẦN VĂN	CƯỜNG	04/08/03	QL21111			
8	2180183	VŨ THỊ NGỌC	DIỆU	20/08/98	NH1811			
9	22400143	NGUYỄN THỊ NGỌC	DUNG	04/07/02	NT24111			
10	22206743	LÃ QUÝ	DUY	14/06/03	TV22111			
11	22116183	LÊ QUỐC	DUY	21/05/03	QL21111			Cấm thi
12	22200073	PHẠM THANH	DUY	29/03/03	DL22121			
13	22116855	TRẦN MINH	ĐẠO	19/08/03	MK21111			
14	22206462	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	23/07/03	NH22111			Cấm thi
15	22205268	SHAKIRIN	HAKIM	24/06/03	TV22111			
16	22203543	VÒNG GIA	HÂN	26/10/04	NT22111			
17	22011268	NGUYỄN KIM	HẬU	11/05/02	TT20111			
18	22205474	NGUYỄN QUỐC	HUY	08/10/02	TV22111			
19	22207159	MAI TUẤN	HÙNG	14/09/04	KN22111			Cấm thi
20	22111315	NGUYỄN TUẤN	KHANG	05/10/02	DM21111			
21	22207096	HỒNG TUẤN	KHÔI	08/11/04	DM22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 0300 – Số hiệu lớp: 1551
Giảng viên: Nguyễn Bùi Nhật Hoàng
Ngày thi: 12/07/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 030 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22109134	TRẦN DƯƠNG	NHI	11/10/03	TV21111			
2	22115518	MAI NGỌC QUỲNH	NHƯ	20/10/03	DK21111			
3	22100942	NGÔ PHẠM HUỲNH	NHƯ	07/10/03	TV21111			Cấm thi
4	22116347	NGUYỄN HUỲNH	NHƯ	19/10/03	TV21111			
5	22107466	TRẦN ĐẶNG TRƯỞNG KIM	NHƯ	08/05/01	NH21111			
6	22012000	LÊ TRƯỜNG	PHONG	03/03/02	DL20121			
7	22205662	LÝ THIÊN	PHÚC	26/02/04	QL22111			Cấm thi
8	22400449	LÊ NGỌC	PHỤNG	26/01/03	TT24111			
9	22205278	TRẦN THỊ TIỀN	PHƯƠNG	12/07/03	TV22111			
10	22206243	TRẦN THU	PHƯƠNG	01/03/04	BL22111			Cấm thi
11	22205894	NAM THÀNH	TÀI	22/03/04	PM22111			
12	22200018	NGUYỄN MINH	THÀNH	05/04/94	TV22111			
13	22300909	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	18/10/05	NT23111			Cấm thi
14	22114618	TRẦN MINH	THẢO	12/03/03	TV21111			
15	22114735	HUỲNH MAI	THỦY	16/12/03	TV21111			
16	22206217	PHAN THỊ MINH	THƯ	07/09/01	BL22111			
17	22140256	TRIỆU ANH	THƯ	10/09/02	TV21111			Cấm thi
18	22206030	NGUYỄN HOÀNG THUỶ	TIỀN	17/09/01	NH22111			
19	22100010	TRẦN MINH	TUẤN	24/07/96	DM21111			
20	22108285	TRIỆU MẠNH	TUẤN	11/01/03	NT21111			
21	22206007	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	UYÊN	15/05/02	TL22111			Cấm thi
22	22104520	NGUYỄN ANH THỦY	VÂN	06/05/03	DM21111			
23	22115374	TRẦN GIA BẢO	VI	18/08/03	DA21111			
24	22205101	DƯƠNG TRIỆU	VY	19/04/04	BL22111			Cấm thi

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 5 (GE102DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 0300 – Số hiệu lớp: 1551
Giảng viên: Nguyễn Bùi Nhật Hoàng
Ngày thi: 12/07/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 031 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22116079	NGUYỄN THANH	AN	04/06/03	NT21111			
2	22114589	NGUYỄN NGỌC VÂN	ANH	19/08/03	DK21111			
3	22110030	TRỊNH LAN	ANH	25/09/03	NT21111			
4	22140218	TÔ LÊ QUỐC	BẢO	01/10/03	NH21111			Cấm thi
5	22014578	NGUYỄN THỊ BẢO	CHÂU	28/02/02	DL20121			
6	22112690	NGUYỄN CÔNG	DANH	05/07/03	TV21111			
7	22200433	NGUYỄN QUANG	DŨNG	16/04/04	PM22111			
8	22206673	NGUYỄN HUỲNH NGỌC	GIAO	16/01/04	DK22111			
9	22206050	HUỲNH THỊ NGỌC	HÀ	11/03/04	TV22111			
10	22104760	NGUYỄN THỊ NGỌC	HIỀN	24/02/03	DK21111			
11	22122659	HUỲNH NHẬT	HÒA	16/01/03	QL21111			
12	22206182	ÔNG HUỲNH QUỐC	HUY	06/12/03	NT22111			Cấm thi
13	22003066	PHƯƠNG THẾ	HƯNG	15/07/02	QL20111			Cấm thi
14	22106657	TRẦN ĐẶNG TRƯƠNG KIM	KHANH	07/10/03	NH21111			
15	22205593	HỒ ĐĂNG	KHOA	24/11/04	PM22111			
16	22000179	HOÀNG THỊ NGỌC	LINH	15/09/02	EM20111			
17	22205643	NGUYỄN KHÁNH	LINH	29/10/04	BL22111			
18	22205579	HOÀNG MẠNH	LONG	16/08/04	PM22111			
19	22112486	LÊ THỊ NGỌC	MY	13/08/03	TN21111			
20	22111272	NGUYỄN HOÀI	NGÂN	21/05/03	NH21111			
21	22302090	LÂM VÂN	NGHI	15/07/05	TC23111			Cấm thi
22	22140212	ĐÀO HOÀNG	NGHĨA	25/12/02	DM21111			
23	22109598	NGUYỄN HỮU	NGHĨA	04/07/03	LG21111			Cấm thi
24	22122476	PHÙNG HẠNH	NHI	10/08/03	KT21121			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)